TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Luyến - Vương)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Văn Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Trần Văn Hiểu**

+ Ông **Vũ Văn Quảng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thảo** - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông **Phạm Văn Nhất** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLST - HNGĐ ngày 21/11/2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX - ST ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**- sinh năm 1978
HKTT: thôn Đ.C.T, xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
Địa chỉ: thôn H.T, xã Đ.L, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**- sinh năm 1975
Địa chỉ: thôn Đ.C.T, xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

(chị L, anh V đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Luyến trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 10/10/1996. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khi sinh cháu

thứ hai thì chị phát hiện anh V dính vào tai tệ nạn xã hội. Chị và gia đình đã hết mực khuyên can nhưng anh càng ngày càng lấn sâu vào. Đến năm 2015 khi các con đã lớn và nhận thức được việc sai trái của anh. Do không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, chị và anh V đã thỏa thuận ly thân để anh nhận ra lỗi lầm và tự thay đổi thì chị và các cháu sẽ về chung sống cùng anh. Tuy nhiên trong thời gian này, anh V vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T– sinh ngày 04/12/1997 và Nguyễn Yến N– sinh ngày 25/10/2006. Hiện 02 cháu đang ở cùng chị từ khi anh, chị sống ly thân cho đến nay. Ly hôn, cháu T trên 18 tuổi, đã học xong và đi làm có thu nhập tự lo được cho bản thân nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến N và không cần anh V phải cấp dưỡng nuôi cháu cùng chị do từ lúc ly thân anh Vương cũng không có trách nhiệm gì.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn V, anh trình bày:** Anh có nhận được thông báo thụ lý cùng các giấy tờ Tòa án gửi cho anh, tuy nhiên do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được.

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị L trình bày ở trên. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị L nhiều lần bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời và chị L có quan hệ ngoài luồng với người khác. Do anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay và do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị L.

Về con chung: Anh và chị Luyến có 02 con chung như chị trình bày, hiện các cháu đang sinh sống cùng chị L từ khi anh, chị ly thân. Ly hôn, cháu T đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng; đối với cháu N, anh đồng ý để chị L nuôi cháu và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu cùng chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt . Do đó Tòa án tiếp tục xét xử và xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân : Hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V là hợp pháp. Do hôn nhân giữa chị L, anh V không thể hàn gắn, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

+ Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T– sinh ngày 04/12/1997 và Nguyễn Yến N– sinh ngày 25/10/2006. Ly hôn, cháu T đã trưởng thành, tự chăm sóc được bản thân nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Đối với cháu N, chị L có nguyện vọng nuôi cháu, anh V đồng ý để chị L nuôi cháu và bản thân cháu có nguyện vọng ở cùng chị L vì vậy đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

+ Về quan hệ tài sản: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình do đó yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V đều có đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 10/10/1996 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L là do anh V dính vào tai tệ nạn xã hội, chị và gia đình khuyên can nhưng anh không thay đổi mà càng lấn sâu; theo anh V là do anh có chơi bời nhưng một phần là do chị L có quan hệ ngoài luồng với người khác cũng như nhiều lần bỏ đi. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa chị L, anh V đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc anh, chị sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Điều này chứng tỏ anh, chị không còn tình cảm dành cho nhau, hôn nhân đã không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 04/12/1997 và Nguyễn Yến N– sinh ngày 25/10/2006. Ly hôn, cháu Nguyễn Ngọc T đã trên 18 tuổi, có khả năng tự chăm sóc, nuôi dưỡng bản thân và không mắc các bệnh hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi vì vậy không đặt ra vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Yến N, hiện cháu đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân; ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; anh V đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và bản thân cháu có nguyện vọng ở cùng chị L. Vì vậy, ly hôn HĐXX giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T– sinh ngày 04/12/1997 và Nguyễn Yến N– sinh ngày 25/10/2006. Ly hôn: cháu Nguyễn Ngọc T đã trưởng thành không đặt ra vấn đề chăm sóc , nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Anh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu

3. Về quan hệ tài sản: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000đ tạm ứng án phí chị Phạm Thị L đã nộp theo biên lai số 0002559 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 21/11/2022 sang thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Lợi

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Đông Trà, h. Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Hiểu **Vũ Văn Quảng** **Vũ Văn Lợi**